Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
Email: hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 20.04.2023 10:14:35 +07:00

SAO Y

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04 /NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 243/BC-BKTNS ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 cho các dự án từ nguồn vốn chưa phân bổ (nguồn vốn ngân sách tập trung, xổ số kiến thiết và nguồn khai thác quỹ đất) như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung là 176.283 triệu đồng, trong đó:

a) Phân bổ chi tiết cho 02 dự án, tổng số vốn phân bổ là 75.233 triệu đồng.

b) Dự phòng chưa phân bổ là 101.050 triệu đồng.

2. Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 235.400 triệu đồng, trong đó:

a) Phân bổ chi tiết cho 11 dự án, tổng số vốn phân bổ là 25.200 triệu đồng.

b) Dự phòng chưa phân bổ là 210.200 triệu đồng.

3. Nguồn vốn khai thác quỹ đất là 174.131 triệu đồng, trong đó:

a) Phân bổ chi tiết cho 05 dự án, tổng số vốn phân bổ là 156.500 triệu đồng.

b) Dự phòng chưa phân bổ là 17.631 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV và V đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2023; báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thái Bảo

Phụ lục I

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ ĐẤT (BỔ SUNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2023 (NQ38)		Kế hoạch năm 2023 giao chi tiết		Trong đó				Chủ đầu tư
									Giao bổ sung (QĐ 3676)		Nội dung giao bổ sung tại kỳ họp thứ 11		
					NSTT	đất	NSTT	đất	NSTT	đất	NSTT	đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
C	**Danh mục các dự án UBND tỉnh giao khi đủ điều kiện về hồ sơ (tính đến ngày 31/12/2022)**				**206.283**	**363.014**	**206.283**	**363.014**	**30.000**	**188.883**	**75.233**	**156.500**	
C.1	**Phân bổ chi tiết**						**105.233**	**345.383**	**30.000**	**188.883**	**75.233**	**156.500**	
I	**Thực hiện dự án**						**104.383**	**344.083**	**30.000**	**188.083**	**74.383**	**156.000**	
I.1	**Giao thông**						**40.000**	**344.083**	**30.000**	**188.083**	**10.000**	**156.000**	
I.1.1	**Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng**						**0**	**11.000**	**0**	**5.000**	**0**	**6.000**	
1	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	LT-NT	tối đa 4 năm	1.493.042			-	5.000		5.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định quán	ĐQ	tối đa 4 năm	145.840			-	6.000				6.000	UBND huyện Định Quán
I.1.2	**Dự án khởi công mới năm 2023**						**40.000**	**333.083**	**30.000**	**183.083**	**10.000**	**150.000**	
1	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2028	3.868.000			-						-
	Trong đó												
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai (kể cả hoàn trả vốn ứng trước dự toán năm 2023)						-	50.000				50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai			1.268.672			-	183.083		183.083			UBND huyện Nhơn Trạch
2	Dự án thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai (kể cả hoàn ttả vốn ứng trước dự toán năm 2023)	BH-LT	2023-2026	6.240.000			-	100.000				100.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ) thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	106.157			30.000	-	30.000				UBND huyện Trảng Bom
4	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70.310			10.000	-			10.000		UBND thành phố Long Khánh
I.2	**Quốc phòng**						**64.383**	**0**	**0**	**0**	**64.383**	**0**	-
I.2.1	**Dự án khởi công mới năm 2023**						**64.383**	**0**	**0**	**0**	**64.383**	**0**	
1	Dự án Xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 4 năm	221.102			64.383	-			64.383		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
I.3	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**						**850**	**0**	**0**	**0**	**850**	**0**	
	Khởi công mới năm 2023						**850**	**0**	**0**	**0**	**850**	**0**	
1	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025 (thực hiện thẩm định giá thiết bị)	ĐN	tối đa 5 năm	988.000			850	-			850		Công an tỉnh Đồng Nai
II	**Chuẩn bị đầu tư**						**0**	**1.300**	**0**	**800**	**0**	**500**	
1	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	620.860			-	100				100	UBND huyện Long Thành
2	Dự án Đường Lò Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đấu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT	tối đa 4 năm	753.246			-	400				400	UBND huyện Long Thành

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2023 (NQ38)		Kế hoạch năm 2023 giao chi tiết		Trong đó				Chủ đầu tư
									Giao bổ sung (QĐ 3676)		Nội dung giao bổ sung tại kỳ họp thứ 11		
					NSTT	đất	NSTT	đất	NSTT	đất	NSTT	đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm	310.000			-	300		300			UBND thành phố Biên Hòa
4	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	1.545.000			-	400		400			UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đảm bảo tổ chức giao thông tại vị trí giao cắt giữa đường ven sông Cái với đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	BH	2023-2026	187.507			-	100		100			UBND thành phố Biên Hòa
C.2	**Dự phòng chưa phân bổ**						**101.050**	**17.631**					

Phụ lục II

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT (BỔ SUNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐĐXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2023 (NQ 38)	KH 2023 giao chi tiết	Trong đó		Chủ đầu tư
							Giao bổ sung (QĐ 3676)	Nội dung giao bổ sung tại kỳ họp thứ 11	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
E	**Danh mục các dự án UBND tỉnh giao khi đủ điều kiện**				**236.800**	**236.800**	**1.400**	**25.200**	-
E.1	**Phân bổ chi tiết**					**26.600**	**1.400**	**25.200**	-
I	**Thực hiện dự án**					**24.000**	**300**	**23.700**	-
I.1	**Y tế, dân số và gia đình**					**24.000**	**300**	**23.700**	-
I.1.1	**Khởi công mới năm 2023**					**24.000**	**300**	**23.700**	-
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.200		2.000	100	1.900	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	13.900		2.000	100	1.900	UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.900		2.000	100	1.900	UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Cải tạo, sửa chữa 04 Trạm y tế tại phường Xuân An, phường Xuân Thanh, phường Xuân Bình, phường Phú Bình thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	12.840		10.000		10.000	UBND thành phố Long Khánh
5	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Suối Tre thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	10.580		8.000		8.000	UBND thành phố Long Khánh
II	**Chuẩn bị đầu tư**					**2.600**	**1.100**	**1.500**	
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Sơn huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	9.800		400		400	UBND huyện Tân Phú
2	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Thành huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	10.927		300		300	UBND huyện Long Thành
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tam An huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	9.498		300		300	UBND huyện Long Thành
4	Sửa chữa, cải tạo các Trạm Y tế xã Tân Hiệp, Phước Thái, Phước Bình, Long Phước, Cẩm Đường, Bàu Cạn, An Phước huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	22.168		300		300	UBND huyện Long Thành
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Núi Tượng huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	11.170		100		100	UBND huyện Tân Phú

S T T	Danh mục dự án	ĐDXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2023 (NQ 38)	KH 2023 giao chi tiết	Trong đó		Chủ đầu tư
							Giao bổ sung (QĐ 3676)	Nội dung giao bổ sung tại kỳ họp thứ 11	
6	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Điền huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	10.949		100		100	UBND huyện Tân Phú
7	Cải tạo 04 Trạm y tế tại xã Phú Đông, xã Phú Hội, xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 3 năm	10.900		100	100		UBND huyện Nhơn Trạch
8	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	12.580		200	200		UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.950		100	100	-	UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Bửu Hòa thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	6.010		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
11	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Hiệp Hòa thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	3.350		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
12	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Tân Phong thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	2.300		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
13	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Tân Tiến thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	1.680		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
14	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Long Bình thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	9.460		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
15	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Tân Hiệp thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	13.300		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
16	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Trảng Dài thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	10.130		100	100		UBND thành phố Biên Hoà
E.2	**Dự phòng chưa phân bổ**					**210.200**			-

Phụ lục III

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN KẾT DƯ NĂM 2021 VÀ NGUỒN KẾT DƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020 CHUYỂN SANG

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐĐXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Tổng kế hoạch 2023 (đã giao tại QĐ 3676)	Kế hoạch năm 2023 từ nguồn kết dư năm 2021			Kế hoạch năm 2023 từ nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 nguồn XSKT	Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	Đất		
1	2	3	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10	11
	Tổng số				**244.917**	**42.602**	**41.417**	**6.346**	**154.552**	-
I	**Giao thông**									
I.1	**Dự án khởi công mới năm 2023**									
1	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh									
	Trong đó									
b	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT	2022-2024	1.268.672	244.917	42.602	41.417	6.346	154.552	UBND huyện Nhơn Trạch

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng số kế hoạch 2023	Trong đó:			Chủ đầu tư
				Số ngày	TMĐT			Đã giao chi tiết lần 1 (tại QĐ 3438)	Đã giao chi tiết lần 2 (tại QĐ 3676)	Đã giao chi tiết lần 3 (tại QĐ 560)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13
A	**VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**				**13.070.940**	**6.085.972**	**598.800**	**478.800**	**50.000**	**60.000**	
A.1	**NGÀNH GIAO THÔNG**				**12.106.052**	**5.450.422**	**488.800**	**368.800**	**50.000**	**60.000**	
I	**Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội**				**8.010.000**	**3.566.972**	**110.000**	**0**	**50.000**	**50.000**	
	Các dự án khởi công mới năm 2023										
1	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	Đồng Nai	2023-2028	57/2022/QH15 ngày 16/6/2022	3.868.000	1.566.972	100.000	0	50.000	50.000	
	Trong đó:						0				
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai		295/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	2.584.000	710.972	50.000			50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai		3613/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	1.284.000	856.000	50.000		50.000		UBND huyện Nhơn Trạch
	Dự phòng chưa phân bổ (chỉ thực hiện giao khi đủ điều kiện về hồ sơ)						10.000				
II	**Các dự án khác**				**4.096.052**	**1.883.450**	**378.800**	**368.800**	**0**	**10.000**	
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023										
1	Dự án nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán (vốn trung ương đầu tư đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến)	Tỉnh Đồng Nai	2021-2024	4121/QĐ-UBND ngày 17/11/2017; 1636/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	821.892	170.000	15.000	15.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023										
1	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	Biên Hòa	2020-2024	1580/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	1.985.000	813.450	70.000	70.000			Ban Quảnlý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	2021-2024	3533/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.289.160	400.000	98.000	98.000			UBND thành phố Biên Hòa
	Các dự án khởi công mới năm 2023										

1	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Long Khánh	2021-2024	27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020, 2321/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1082000, 939480	500.000	195.800	185.800		10.000	UBND thành phố Long Khánh
A.2	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN**				**964.888**	**635.550**	**110.000**	**110.000**	**0**	**0**	-
I	**Các dự án khác**						0				
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023						0				
1	Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	2021-2024	2186/QĐ ngày 30/6/2021	614.100	400.000	100.000	100.000			UBND thành phố Biên Hòa
2	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai bảo vệ thành phố Biên Hòa (đoạn 2 từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố)	Biên Hòa	2021-2024	21/NQ 30/7/2021, 4387/QĐ ngày 18/10/2021	350.788	235.550	10.000	10.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Phụ lục V

KẾ HOẠCH NĂM 2023 NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (VỐN TRUNG ƯƠNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian		Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Tổng số kế hoạch 2023	*Trong đó:*	Chủ đầu tư
			Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	TMĐT			Phân bổ chi tiết (tại QĐ 560)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng					**6.363.311**	**3.752.000**	**1.336.000**	**1.236.000**	
I	**Giao thông**									
	Dự án khởi công mới năm 2023									
1	Dự án thành phần 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 (kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư thực hiện)	Đồng Nai	2.023	2.026	59/2022/QH15 ngày 16/6/2022; 233/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	6.240.000	3.640.000	1.224.000	1.224.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
II	**Y tế**									
	Dự án khởi công mới năm 2023									
1	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và 05 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đồng Nai.	Đồng Nai	2.023	2024	2277 ngày 31/8/2022; 31/QĐ-SKHĐT ngày 13/3/2023	13.541	12.000	12.000	12.000	Sở Y tế
2	Dự phòng chưa phân bổ (chỉ thực hiện giao khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và dự án đủ điều kiện về hồ sơ)							100.000		-